Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8545.19.00

Mã HS	8545.19.00
Mô tả hàng hóa	Điện cực than, chổi than, carbon cho chế tạo bóng đèn, carbon cho chế tạo pin, ắc qui và các sản phẩm khác làm bằng graphit hoặc carbon khác, có hoặc không có thành phần kim loại, dùng cho kỹ thuật điện / - Điện cực: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 03:13:11
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/85451900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K16118
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N16118
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q16118
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15466
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15395
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15395
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15395
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15395
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15395
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15395
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15451
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15451

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15451
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15451
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15451
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15451
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15452
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15452
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15452
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15452
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15452
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15452
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15453
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15401
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15409
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15409
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15409
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15409
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15409
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15409
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15449
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15449
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15449
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15449
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15449
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15449
VCFTA	2022	2022	5	VC!D15511
VCFTA	2023	2023	5	VC!E15511

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15511
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15511
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15511
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15511
VN-EAEU	2022	2022	1,4	EAV!D15485
VN-EAEU	2023	2023	0,9	EAV!E15485
VN-EAEU	2024	2024	0,5	EAV!F15485
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15485
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15485
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15485
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15488
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15488
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15488
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15488
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15488
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15488
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D15494
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E15494
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F15494
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15494
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15494
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15494
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D15493
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E15493
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F15493
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15493

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15493
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15493
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15482
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15482
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15482
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15482
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15482
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15482
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15482
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15476
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15476
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15476
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15476
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15476
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15476
RCEP B	2022	2022	0	B!D15476
RCEP B	2023	2023	0	B!E15476
RCEP B	2024	2024	0	B!F15476
RCEP B	2025	2025	0	B!G15476
RCEP B	2026	2026	0	B!H15476
RCEP B	2027	2027	0	B!I15476
RCEP C	2022	2022	0	C!D15476
RCEP C	2023	2023	0	C!E15476
RCEP C	2024	2024	0	C!F15476
RCEP C	2025	2025	0	C!G15476
RCEP C	2026	2026	0	C!H15476

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I15476
RCEP D	2022	2022	0	D!D15475
RCEP D	2023	2023	0	D!E15475
RCEP D	2024	2024	0	D!F15475
RCEP D	2025	2025	0	D!G15475
RCEP D	2026	2026	0	D!H15475
RCEP D	2027	2027	0	D!I15475
RCEP E	2022	2022	0	E!D15479
RCEP E	2023	2023	0	E!E15479
RCEP E	2024	2024	0	E!F15479
RCEP E	2025	2025	0	E!G15479
RCEP E	2026	2026	0	E!H15479
RCEP E	2027	2027	0	E!I15479
RCEP F	2022	2022	0	F!D15476
RCEP F	2023	2023	0	F!E15476
RCEP F	2024	2024	0	F!F15476
RCEP F	2025	2025	0	F!G15476
RCEP F	2026	2026	0	F!H15476
RCEP F	2027	2027	0	F!I15476
VIFTA	2024	2024	4.5	VI!F14439
VIFTA	2025	2025	4	VI!G14439
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H14439
VIFTA	2027	2027	3	VI!I14439

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8545.19.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 8545.19.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N16118), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.